

Số: 11/2022/QĐST-DS

Sông Hinh, ngày 02 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Huỳnh Quang T, sinh năm 1973 và bà Lư Thị Mỹ P, sinh năm 1977. Địa chỉ: Khu phố M, phường B, thị xã H, tỉnh B. Do bà Lư Thị Mỹ P đại diện theo văn bản uỷ quyền ngày 20/5/2022 của ông Huỳnh Quang T.

- *Bị đơn*: Ông Đoàn Hùng D, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện S, tỉnh P.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập*: Ông Võ Minh Đ, sinh năm 1981 và bà Lê Thị H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ dân phố B, Phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Do ông Phan Đình Thái A, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ dân phố S, Phường T, thành phố B đại diện theo văn bản uỷ quyền ngày 24/5/2022 của ông Đ, bà H.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Công ty TNHH MTV P. Trụ sở: Khu phố M, Phường B, thị xã H, tỉnh B. Do bà Lư Thị Mỹ P - Chức vụ Giám đốc làm đại diện theo pháp luật.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Đình chỉ giải quyết tranh chấp hợp đồng đặt cọc giữa bà P, ông T với

ông Đoàn Hùng D. Vì bà P, ông T và ông D đã tự nguyện thoả thuận trả lại số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng và tiền phạt cọc 50.000.000 đồng; Tổng cộng là 250.000.000 đồng. Các bên đã tự nguyện thi hành xong nên bà Phượng, ông Tuấn yêu cầu rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 09, tờ bản đồ số 50, diện tích 24.400 m² tại thôn T, xã E, huyện S, tỉnh P theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 175667 do UBND huyện S cấp ngày 24/7/2006, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 00189.

2.2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tranh chấp hợp đồng thuê đất làm trang trại tại thửa đất số 21, tờ bản đồ 37 (Đo đạc năm 2013), địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện S, tỉnh P, diện tích 78.626,1m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 301688 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 08925 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp ngày 18/5/2020 vì bà P, Ông T xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

2.3. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Dũng và ông Doan, bà Hồng về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ 37 (Đo đạc năm 2013), địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện S, tỉnh P, diện tích 78.626,1m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 301688 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 08925 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp ngày 18/5/2020. Ông Doan, bà Hồng được làm các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng hợp đồng đã ký kết ngày 18/4/2022 tại Văn phòng công chứng T, tỉnh P. Ông D, ông Đ, bà H, bà P, ông T và Công ty TNHH MTV P không có tranh chấp gì về quyền sở hữu tài sản do Công ty TNHH MTV P đã xây dựng trên đất.

2.4. Đối tài sản do Công ty TNHH MTV P xây dựng trên đất không đúng mục đích sử dụng đất thì chờ kết quả xử lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Các bên có nghĩa vụ tuân thủ các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Về án phí:

- Bà P, ông T tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng, được tính trừ số tiền tạm ứng án phí 39.000.000 đồng bà P, ông T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001147 ngày 05 tháng 05 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, trả lại cho bà P, ông T số tiền 38.850.000 đồng tạm ứng án phí còn thừa.

- Trả lại cho ông Đ, bà H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001155 ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- Chi cục THA huyện Sông Hinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Lưu Chúc